KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 29/12/2023	9,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	11.9%	19.0%	-

DT thuần

2023

509 *tỷ VNĐ*

YoY
▲ 95.0
▲ 22.8%

LN gộp

2023

67.2 *tỷ VNĐ*

YoY
▲ 31.7
▲ 89.5%

LN thuần

2023

9.06 *tỷ VNĐ*

YoY
▲ 5.01
▲ 123%

LN sau thuế

2023

6.64 *tỷ VNĐ*

YoY
▲ 4.01
▲ 152%

ROE

2023

7.6%

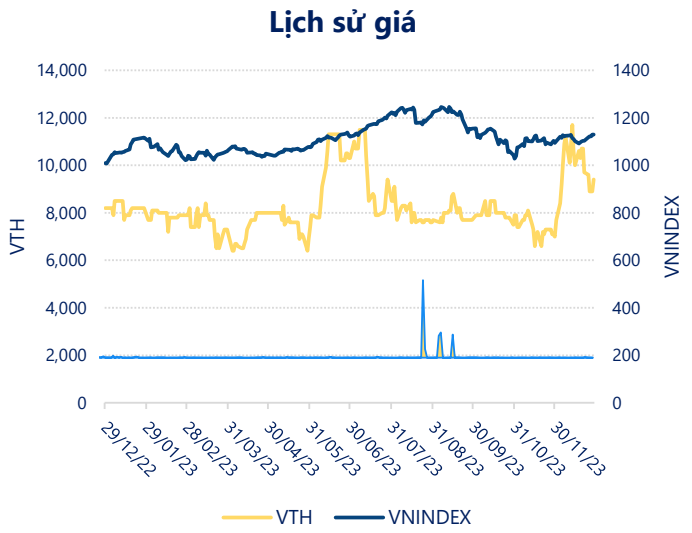
+/- YoY
▲ 4.5%

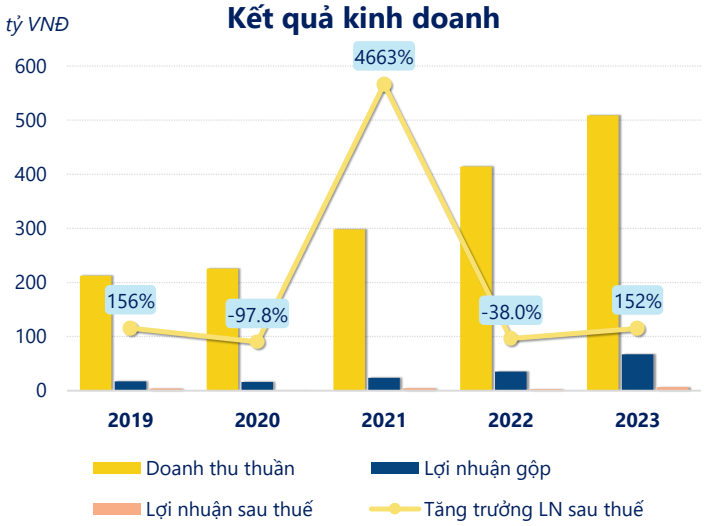
ROA

2023

2.2%

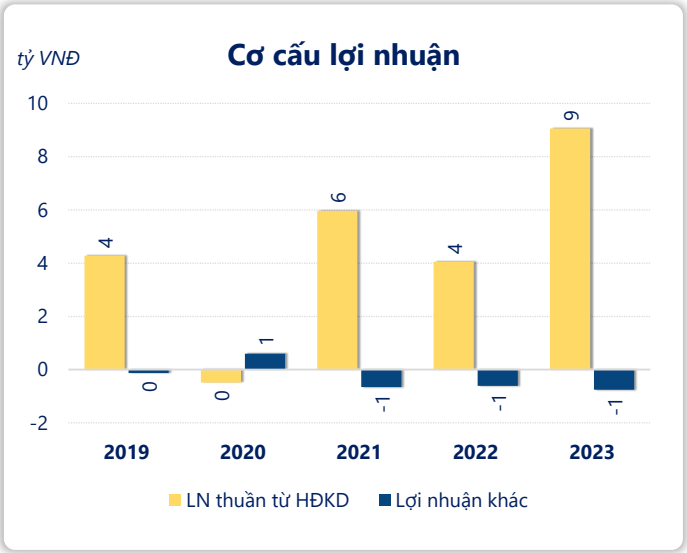
+/- YoY
▲ 1.0%

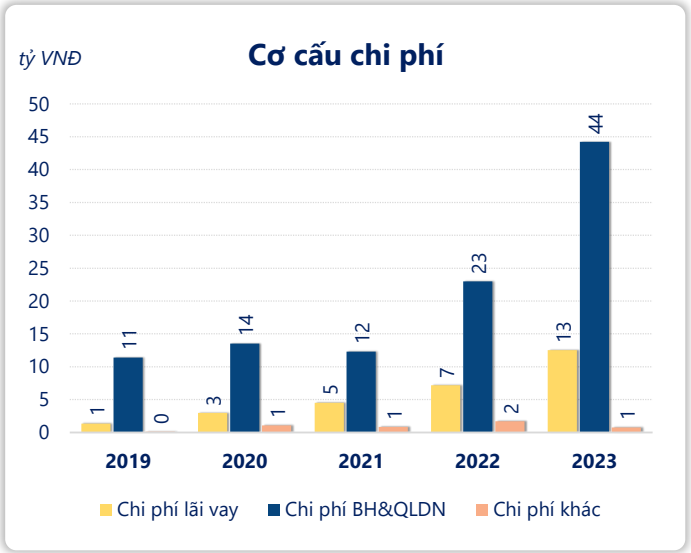




Kết quả kinh doanh **VTH** năm **2023**, doanh thu thuần **tăng mạnh 22.8%** đạt **509.0** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế **tăng mạnh 152%** đạt **6.64** tỷ đồng.

Công ty có sự tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, với **ROE** đạt **7.61%**. Là một tín hiệu tích cực về hoạt động kinh doanh, tuy nhiên công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động tốt hơn.

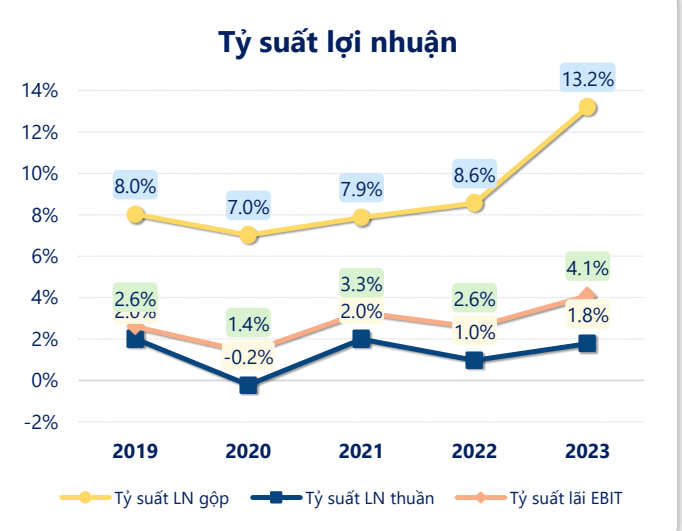


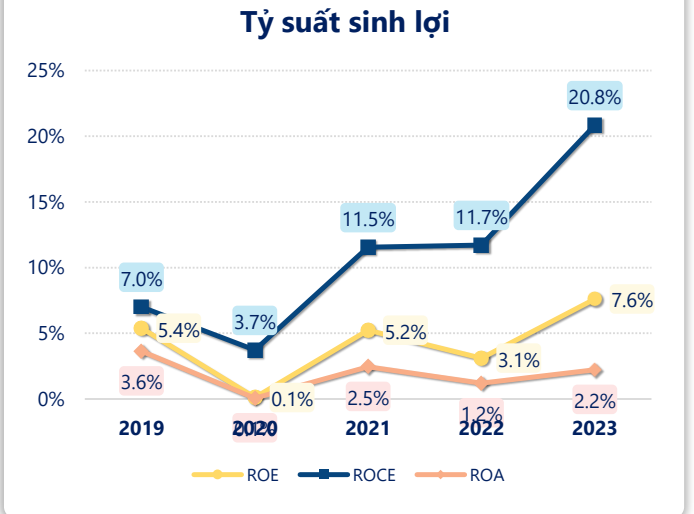


Năm **2023**, **VTH** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **9.06** tỷ đồng, **tăng lên 5.01** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (4.57 tỷ đồng) là 4.49 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

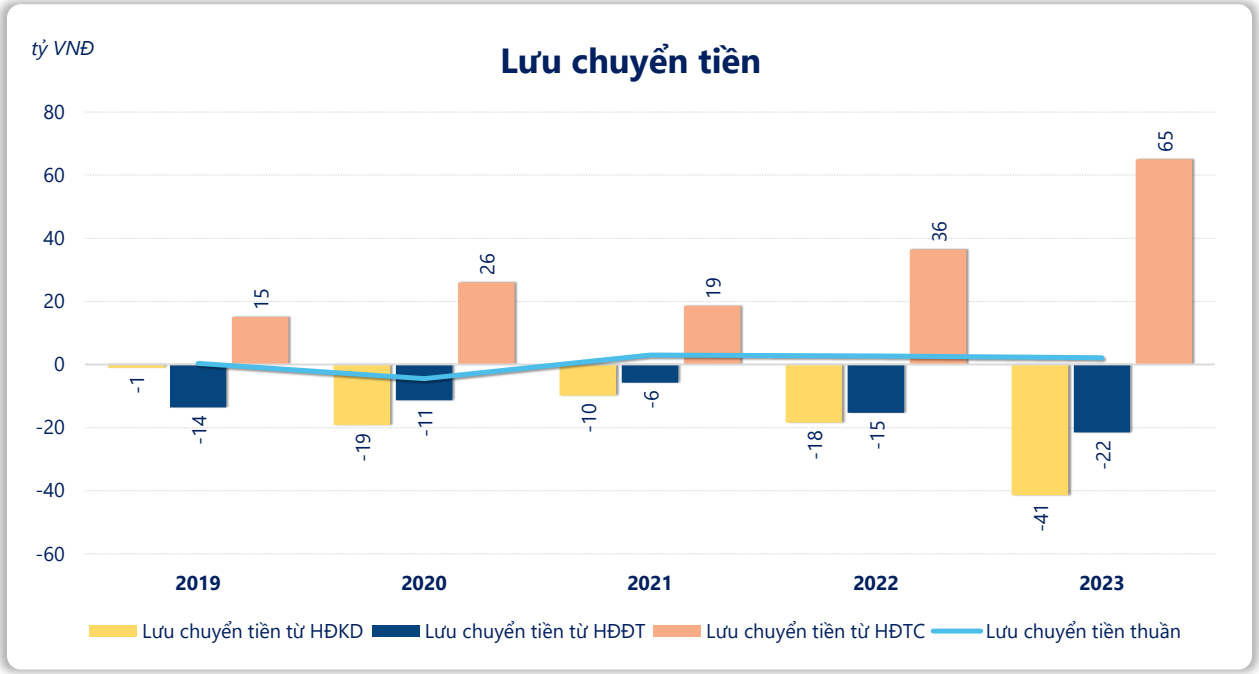
Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **12.52** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **tăng lên**, ở mức **44.24** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.77** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của VTH năm 2023 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **7.61%**, đây là mức ROE **cao nhất** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	**212**	**226**	**298**	**414**	**509**
Giá vốn hàng bán	195	210	275	379	442
Lợi nhuận gộp	**17.0**	**15.8**	**23.5**	**35.5**	**67.2**
Doanh thu HĐTC	0.01	0.20	0.16	0.21	0.48
Chi phí TC	1.36	2.98	5.38	8.66	14.4
Chi phí lãi vay	**1.36**	**2.98**	**4.51**	**7.17**	**12.5**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.56	7.18	6.97	13.9	31.7
Chi phí QLDN	8.85	6.37	5.34	9.04	12.6
LN thuần từ HĐKD	**4.28**	**-0.49**	**5.97**	**4.05**	**9.06**
Lợi nhuận khác	-0.13	0.59	-0.66	-0.61	-0.76
LN trước thuế	**4.14**	**0.11**	**5.31**	**3.44**	**8.30**
Lợi nhuận sau thuế	**4.14**	**0.09**	**4.25**	**2.63**	**6.64**
LNST của CĐ cty mẹ	**4.14**	**0.09**	**4.25**	**2.63**	**6.64**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2023 của VTH bằng **2.12** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2022 (2.71 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **-41.41** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-21.50** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **65.03** tỷ đồng.